

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TIẾNG ANH TRỞ THÀNH NGÔN NGỮ TOÀN CẦU NHƯ THẾ NÀO?

PHAN VĂN QUẾ*

TÓM TẮT: Bài viết cố gắng tìm câu trả lời cho câu hỏi làm thế nào và tại sao tiếng Anh lại trở thành một ngôn ngữ toàn cầu? Dựa vào kết quả của các nghiên cứu đi trước và đặc biệt là quan điểm của David Crystal, bài viết đi sâu phân tích các sự kiện lịch sử, phân bố địa lí, các nhân tố xã hội, văn hóa liên quan đến việc mở rộng phạm vi sử dụng của tiếng Anh vào mọi lĩnh vực trên thế giới chủ yếu từ thế kỉ 17 đến thế kỉ 20. Ngoài ra bài viết cũng đề xuất những nghiên cứu tiếp theo liên quan đến tác động tiêu cực và những mặt trái của ngôn ngữ toàn cầu.

TỪ KHÓA: ngôn ngữ quốc tế; ngôn ngữ toàn cầu; tiếng mẹ đẻ; ngôn ngữ thứ 2; ngoại ngữ; vòng tròn đồng tâm; vòng trong; vòng ngoài; vòng mở rộng.

NHẬN BÀI: 13/8/2018.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/12/2018

1. Đặt vấn đề

Khoảng hơn 50 năm trước đây, theo David Crystal (*English as a global language*, Cambridge University Press, 2005) bất kì ý tưởng nào coi tiếng Anh như là một ngôn ngữ toàn cầu mới chỉ dừng lại là những đề xuất sơ khai, mờ nhạt, mang tính lí thuyết mà thôi. Nhưng mọi việc thay đổi rất nhanh, 50 năm đã qua và đến hiện nay chúng ta phải công nhận rằng vai trò của tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế đã trở thành một thực thể chính trị và văn hóa trong cuộc sống đương đại của thế giới. Trong bài viết này, trên cơ sở các cứ liệu của các nhà nghiên cứu như Alastair Penny Cook, Andy KirkPatrick, David Crystal, Jennifer Jenkins, Nicola Galloway and Heath Rose, Phan Le Ha, Robert Phillipson, Sandra Lee Mckay... và từ các nguồn tư liệu khác, chúng tôi muốn trao đổi thêm về một chủ đề vốn đã được rất nhiều các học giả quan tâm và nghiên cứu - đó là tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu như thế nào? Trong tiếng Anh các thuật ngữ như *Global English*, *International English*, *World English* có thể dùng thay thế cho nhau. Tương tự như vậy chúng tôi cũng sử dụng các tổ hợp “tiếng Anh toàn cầu, tiếng Anh quốc tế, hay tiếng Anh thế giới” thay thế cho nhau để tránh sự trùng lặp trong văn bản.

Thực ra cho đến nay cũng chưa có định nghĩa chính thức thế nào là một ngôn ngữ toàn cầu. Tuy có cách nhìn, cách tiếp cận về vấn đề này khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu, các nhà ngôn ngữ học đều cơ bản thống nhất, đó là một ngôn ngữ có số lượng lớn người sử dụng, được phân bố rộng khắp về mặt địa lí trên phạm vi toàn cầu, được sử dụng rộng rãi trong các tổ chức và ngoại giao quốc tế... David Crystal (2005) cho rằng một ngôn ngữ có được một vị thế toàn cầu thực thụ thì ngoài các quốc gia sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ đó phải có một vai trò đặc biệt được xác nhận ở các quốc gia khác. Cụ thể là được công nhận là một trong những ngôn ngữ chính thức, ngôn ngữ thứ 2, hoặc được ưu tiên đặc biệt trong việc giảng dạy ngoại ngữ hay phát triển ngôn ngữ của một quốc gia. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, vào những thời điểm nhất định đã có những ngôn ngữ từng được coi là có vị thế đặc biệt như tiếng Latin trong thời kì của đế chế La Mã. Tiếng Bồ Đào Nha đã từng được sử dụng trên một phạm vi rộng lớn vào thế kỉ 15 và 16 bởi các quốc gia có vị thế thương mại ở châu Âu. Mặc dù được sử dụng rộng rãi như vậy, nhưng tiếng Bồ Đào Nha hầu như chỉ được dùng như tiếng mẹ đẻ cho người Bồ và người Brasil, và ít được dùng như là ngôn ngữ chung cho các tộc người khác (Nicolla Galloway and Health Rose - tr.12). Hay gần đây như tiếng Nga với vị thế đặc biệt trong các nước thuộc Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa trước đây, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hindi, tiếng Arab... cũng là những ngôn ngữ có số lượng người sử dụng rất lớn không

* PGS.TS; Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; Email: phanvanque52@gmail.com

những ở chính quốc mà còn ở các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế khác nhau. Tuy vậy để đáp ứng được những tiêu chí đã nêu trên, tiếng Anh có thể là ứng viên sáng giá nhất cho một ngôn ngữ mang tính toàn cầu cho đến giai đoạn hiện nay. Phần tiếp theo chúng tôi sẽ tìm câu trả lời cho câu hỏi bằng cách nào và tại sao trong khoảng 300-400 năm một ngôn ngữ lúc đầu với vài triệu người sử dụng ở vùng quần đảo Anh (British Isles) lại nhanh chóng trở thành một ngôn ngữ có vị thế toàn cầu như hiện nay?

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về sự phát triển của tiếng Anh từ các góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Có tác giả nghiên cứu về sự phát triển nội tại của tiếng Anh từ tiếng Anh cổ đại đến trung đại, cận đại và hiện đại. Nhiều nghiên cứu đi sâu về tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ (ENL), ngôn ngữ thứ hai (ESL) và ngoại ngữ (EFL) và vài chục năm gần đây có nhiều nghiên cứu đi sâu vào các đặc trưng ngôn ngữ và sự khác biệt giữa các biến thể của tiếng Anh (World Englishes - varieties of English) được sử dụng ở các quốc gia, khu vực và lãnh thổ khác nhau cùng với xu hướng nghiên cứu về việc giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế (Teaching English as an international language) cũng thu hút sự quan tâm của nhiều học giả.

Để trả lời được câu hỏi đã nêu ra, chúng tôi muốn đi theo quan điểm của David Crystal trong cuốn *English as a global language* do Trường Đại học Cambridge xuất bản lần đầu năm 1997 và sau đó được tái bản vào các năm 2003, 2005. Theo tác giả muốn giải thích được tại sao tiếng Anh lại có được vị thế như ngày nay cần phải tìm hiểu theo hai hướng. Thứ nhất là các yếu tố về địa - lịch sử, thứ hai là những yếu tố về văn hóa - xã hội mà ngôn ngữ này đã trải qua và chịu tác động để có được vai trò như ngày nay. Các sự kiện và yếu tố về lịch sử và địa lí giúp chúng ta nắm được quá trình mở rộng lãnh thổ sử dụng tiếng Anh trên phạm vi toàn cầu. Các sự kiện, yếu tố về văn hóa xã hội sẽ góp phần giải thích tại sao một số lượng lớn dân số trên thế giới lại yêu mến, cần và phụ thuộc vào tiếng Anh như vậy.

2. Tiếng Anh - ngôn ngữ toàn cầu từ góc độ địa lí - lịch sử

Trước hết nói về các yếu tố lịch sử - địa lí. Khi tìm hiểu nghiên cứu về quá trình phát triển và mở rộng phạm vi sử dụng của tiếng Anh, các học giả cũng có những cách nhìn khác nhau. Nhiều người (Jennifer Jenkins (2003, 2005), Nicola Galloway (2015) cho rằng sự mở rộng của tiếng Anh chủ yếu qua hai đợt "gieo vãi" (dispersal) ngôn ngữ này trong khoảng thế kỉ 17 đến thế kỉ 19. Đợt 1 là quá trình đưa tiếng Anh tới Bắc Mỹ và vùng Oxtralia, đợt 2 là thông qua việc thiết lập hệ thống thuộc địa của đế chế Anh tại châu Âu, châu Phi. Các nhà nghiên cứu khác trong đó có Jania Griffeler (2003) và David Crystal (1997, 2003, 2005) còn đề cập đến một đợt mở rộng khác xảy ra trước đó rất lâu, đó là thời kì tiếng Anh được mở rộng ra toàn bộ quần đảo Anh (British Isles) bắt đầu vào khoảng thế kỉ thứ 5 và sau này là sự ảnh hưởng của Mỹ cuối thế kỉ 19 trở đi. Với những tư liệu và cách tiếp cận như vậy, chúng tôi cho rằng sẽ là hợp lí khi chúng ta nhìn nhận sự mở rộng của tiếng Anh với 3 giai đoạn sau:

1. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu vào khoảng thế kỉ thứ 5. Sau khi du nhập từ châu Âu lục địa trải qua nhiều biến cố và từng bước định hình, tiếng Anh lúc đầu chỉ sử dụng ở vùng đảo Anh (England), sau đó đã nhanh chóng mở rộng ra toàn bộ khu vực quần đảo Anh (British Isles) gồm đảo Anh, đảo Ireland... và trên sáu nghìn đảo nhỏ khác với mục đích góp phần tạo nên một hệ thống chính trị, kinh tế thống nhất và thay thế các ngôn ngữ Celtic vốn được sử dụng thịnh hành ở những khu vực này. Hiện nay có tới 95% đến 98% người dân ở quần đảo này nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ của mình. Tuy được sử dụng trên toàn bộ quần đảo Anh, nhưng đó mới chỉ là sự mở rộng có tính chất khu vực. Giai đoạn này kéo dài đến thế kỉ thứ 12 và tiếng Anh vẫn chưa có được ảnh hưởng ngoài khu vực, và cũng chưa có sự kiện hoặc tác động nào tạo nên vị thế quốc tế cho ngôn ngữ này. Phải hơn 300 năm sau đó, tức là cuối thế kỉ 16 mới có những sự kiện tạo tiền đề cho vị thế quốc tế của tiếng Anh.

2. Giai đoạn thứ 2 là thời kì mở rộng tiếng Anh từ đầu thế kỉ 17 đến cuối thế kỉ 18 tới vùng Bắc Mỹ gồm Mỹ, Canada và vùng Úc Châu gồm Oxtrelia, Tân Tây Lan và các đảo ở Nam Thái Bình Dương. Giai đoạn này theo Jenifer Jenkin (2015) và Nicola Galloway and Health Rose (2015) được bắt đầu với việc di cư của 25.000 người nói tiếng Anh từ vùng Nam và Đông nước Anh tới Bắc Mỹ và Oxtrelia.

Thực ra chuyến thám hiểm đầu tiên từ Anh tới Mỹ được thực hiện bởi Walter Raleigh (1552-1618, nhà chính trị, nhà thơ Anh được phong hiệp sĩ năm 1585) vào năm 1584, nhưng bị thất bại phải quay trở về. Và việc định cư lâu dài của người Anh tại Mỹ được tính từ 1607 khi đoàn thám hiểm tới vịnh Chesapeake. Vài thế kỉ sau đó với nhiều cuộc di dân từ nhiều vùng khác nhau tới Mỹ, họ đem theo cả ngôn ngữ của mình - tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Đức... Nhưng chỉ 1,2 thế hệ sau khi định cư, hầu hết cư dân đều sử dụng tiếng Anh thông qua một quá trình đồng hóa ngôn ngữ rất tự nhiên. Theo số liệu của cuộc điều tra dân số năm 1998 ở Mỹ, số người từ 5 tuổi trở lên chỉ nói tiếng Anh ở nhà là hơn 198 triệu, còn theo con số của năm 2000 là 215 triệu. Nhiều nhà bình luận cho rằng tiếng Anh chính là nhân tố giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất của nước Mỹ qua những thời điểm của những sự khác biệt về văn hóa.

Những tiếp xúc đầu tiên của tiếng Anh với Canada được tính từ 1497 khi John Cabot (1450-1500, nhà hàng hải và thám hiểm) được cho rằng đã đặt chân đến New Foundland. Nhưng sự di dân của Anh tới Canada mãi 1 thế kỉ sau đó mới bùng nổ khi các công việc về khai khẩn, ngư nghiệp, buôn bán... thu hút các nhà định cư nói tiếng Anh tới đây.

Một đợt di dân khác bùng nổ sau khi Mỹ tuyên bố độc lập năm 1776. Những người trung thành với nước Anh cảm thấy không thể ở Mỹ, họ hầu hết rời Mỹ đến Canada. Hiện nay với số dân hơn 31 triệu, thì 2/3 sử dụng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ. Với xuất xứ như vậy, tiếng Anh Canada cơ bản giống tiếng Anh ở Bắc Mỹ.

Việc đưa tiếng Anh tới Oxtrelia có thể bắt đầu bằng chuyến đi của James Cook (1728-1779, nhà thám hiểm, nhà hàng hải và vẽ hải đồ người Anh) tới vùng đất này vào năm 1770 và trong vòng 20 năm sau đó nước Anh đã thiết lập ở đây một thuộc địa dùng làm nơi giam giữ tù nhân đầu tiên của mình, làm giảm áp lực quá tải của các nhà tù ở Anh. Khoảng 130.000 tù nhân đã được đưa sang đây trong vòng 50 năm kể từ năm 1778. Sau đó những người di dân tự do cũng tới đây, tới năm 1850 dân số Oxtrelia vào khoảng 400.000 người, năm 1900 là 4 triệu và năm 2002 là khoảng 19 triệu với gần 15 triệu dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ.

Đối với New Zealand, những người di cư có đến muộn hơn. Họ đến đây qua 3 thời kì. Thời kì thứ nhất từ khoảng những năm 1840 đến 1850 và người di cư đến chủ yếu từ England, thời kì thứ 2 vào những năm 1860 chủ yếu từ Australia và Ireland và thời kì thứ 3 từ 1870 đến 1885 chủ yếu từ UK. Cũng giống như Oxtrelia, tiếng Anh khi đến New Zealand cũng có sự pha trộn với các phương ngữ, đặc biệt tiếng Maori có ảnh hưởng rất lớn trong lĩnh vực từ vựng (Jenifer Jenkins 2015, tr.8).

Giai đoạn này kéo dài khoảng 2 thế kỉ từ đầu thế kỉ 17 đến cuối thế kỉ 18 đã đưa tiếng Anh ra khỏi vùng British Isles đến châu Mỹ, châu Đại Dương với số lượng người sử dụng tăng rất nhanh. Theo David Crystal (thống kê năm 2001) ở Mỹ có 278.059.000 người thì có 215.424.000 nói tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, 25.600.000 nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2; Canada có 31.600.000 người thì 20.000.000 người nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, 7.000.000 người dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Australia với 18.972.000 dân thì 14.987.000 người nói tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, 3.500.000 người nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. New Zealand có 3.864.000 người với 3.700.000 nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ và 150.000 người nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2.

3. Giai đoạn thứ 3 là thời kì tiếng Anh tiếp tục được mở rộng với việc đế chế Anh (British Empire) thiết lập các thuộc địa ở châu Á và châu Phi vào thế kỉ thứ 18, 19 và sự xuất hiện của Mỹ, một siêu cường về kinh tế và quân sự từ cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, đặc biệt sau chiến

tranh thế giới thứ 2. Chúng ta có thể tham khảo một vài số liệu về số lượng những người sử dụng tiếng Anh ở một số thuộc địa cũ của Anh.

Với việc thiết lập hệ thống thuộc địa ở châu Á, châu Phi, nước Anh cùng đem theo đó ngôn ngữ của mình. Việc sử dụng, giảng dạy tiếng Anh ở những phạm vi và mức độ nào đó đã được tiến hành ở tất cả các thuộc địa này. Sau khi nguyên thuộc địa, các nước được trao trả độc lập hầu hết vẫn giữ một trong những di sản của đế chế thực dân đó là tiếng Anh.

Ở châu Á, Ấn Độ với 1.029.991.000 dân có 350.000 dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, nhưng có tới 200.000.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Pakistan có 195.000.000 dân với 17.000.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Philipine có 83.000.000 dân thì 20.000 người dùng tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, nhưng có tới 40.000.000 người nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Ở Malaysia với 22.230.000 dân có 380.000 dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ và 7.000.000 người dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Ở Nepal với 25.000.000 dân nhưng có tới 7.000.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Ở Bangladesh có 3.500.000 sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Ở Sri Lanka có 10.000 nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ và 1.900.000 người sử dụng như ngôn ngữ thứ 2. Ở Singapore trong tổng số dân 4.300.000 người có 350.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất và 2.000.000 là ngôn ngữ thứ 2. Hong Kong với dân số là 7.210.000 người có 2.200.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2.

Ở châu Phi, Nam Phi sau nhiều biến động lịch sử, từ 1822 sau khi tiếng Anh được công nhận là ngôn ngữ chính thức, theo đó những người da đen, những người nói tiếng Hà Lan và sau này những người di dân da đỏ đều học và sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ 2 (Jennifer Jenkins 2015, trang 8). Nam Phi có tới 3.700.000 người dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, và 11.000.000 người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 trong tổng số dân cả nước là 43.586.000 người. Cameroon với 15.900.000 dân có tới 7.700.000 người dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Kenya có 30.766.000 người thì 2.700.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Nigeria với số dân đông trên 126.636.000 người nhưng nửa số đó 60.000.000 nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Tanzania có 36.232.000, trong đó 4.000.000 nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. Zimbabwe có 5.300.000 dùng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2 trong tổng số 11.365.000 người...

Các số liệu thống kê trên đây được thực hiện cách đây một thời gian bởi nhiều tác giả và vào những thời điểm khác nhau, do vậy chắc chắn sẽ có sự chênh lệch, nhưng rõ ràng đây là những minh chứng thể hiện ảnh hưởng và vai trò của tiếng Anh thông qua số lượng người sử dụng và sự phân bố về mặt địa lý đối với ảnh hưởng của tiếng Anh.

Chúng ta vừa đi qua 3 giai đoạn phát triển mở rộng ảnh hưởng của tiếng Anh. Giai đoạn đầu như đã nói ở trên chưa tạo ra yếu tố quốc tế, mà chỉ có ảnh hưởng tầm khu vực tức là trong phạm vi quần đảo Anh. Nhưng giai đoạn thứ 2 và thứ 3 đặc biệt là sự trỗi dậy của Mỹ trong thế kỷ 20 từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến giờ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và tạo nên vị thế toàn cầu của tiếng Anh. Với việc mở rộng sang Bắc Mỹ, vùng Caribbean, Ostralia, Tân Tây Lan, vùng Nam Thái Bình Dương và sau đó tới châu Phi, châu Á, tiếng Anh hiện nay đã có mặt ở tất cả các lục địa châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Phi, châu Á và các đảo nhỏ trên các đại dương: Đại Tây Dương (St Helena), Ấn Độ Dương (Seychelles), Thái Bình Dương (Fiji, Hawaii...). Theo David Crystal (2005, trang 60) có 75 quốc gia và vùng lãnh thổ (số liệu năm 2001), còn theo Nicolla Galloway và Health Rose (2015 trang 11) dẫn lại số liệu của Hội đồng Anh năm 2014 là 88 quốc gia và vùng lãnh thổ đã công nhận vị thế đặc biệt của tiếng Anh tức là được sử dụng như tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ 2. Con số này chưa tính đến các quốc gia đưa tiếng Anh vào dạng ưu tiên đặc biệt trong việc giảng dạy ngoại ngữ hay trong chiến lược hoạch định chính sách các ngôn ngữ của mình.

Trên đây chúng tôi mới điếm qua một số sự kiện và mốc thời gian đánh dấu sự có mặt của tiếng Anh ở hầu hết các châu lục và các đại dương cùng với số liệu các quốc gia vùng lãnh thổ trong đó tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ 2.

Với số lượng các quốc gia mà tiếng Anh có vị thế đặc biệt kể trên cộng với số lượng các nước và số lượng người học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Nhà ngôn ngữ học Kachru đã xếp tiếng Anh vào 3 vòng tròn đồng tâm. Vòng trong cùng gọi là “inner circle” gồm các nước ta thường gọi là tiếng Anh bản ngữ như Anh, Mỹ, Canada, Oxtrelia, Tân Tây Lan với số dân khoảng từ 320-380 triệu người. Vòng thứ 2 gọi là “outer circle” gồm các nước nói tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai như Ấn Độ, Singapore, Philipine... Với số người sử dụng khoảng từ 300-500 triệu người. Cuối cùng là vòng ngoài “expanding circle” gồm các nước có dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ với con số người học đến cả tỉ người ở châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Việt Nam, v.v.

Câu nói mà chúng ta thường nghe phần nào lí giải sự có mặt ở mọi nơi của tiếng Anh - *mặt trời không bao giờ lặn trên đế chế Anh*. Penny Cook trong cuốn “English and the discourses of colonialism” (1998, tr.134) đã dẫn lại Rolleston (1911) như sau: Quốc kì nước Anh tung bay trên một phần năm diện tích thế giới, một phần tư nhân loại chấp nhận sự thống trị của nền quân chủ Anh... Cũng theo Alastair Penny Cook thì Burnet (1962) đã viết, ngày nay tiếng Anh được viết, được nói, được truyền thanh, và được sử dụng ở mọi châu lục. Nó có tầm phủ về mặt địa lí nhiều hơn bất cứ ngôn ngữ nào. Có rất ít khu vực mà ở đó có bất kì một ngôn ngữ nào khác lại có thể đua chen được với tiếng Anh với tư cách là một ngôn ngữ toàn cầu - đó là ngôn ngữ của thương mại, ngoại giao, khoa học và tri thức. Theo Alastair Penny Cook (1998) trong cuốn English and the discourses of colonialism Claiborne (1983) đã mở đầu cuốn sách: The Life and Times of the English language: The history of our marvelous tongue như sau: Cho dù lấy bất kì một chuẩn mực nào để so sánh, thì tiếng Anh vẫn là một ngôn ngữ rất đặc biệt, nó là tiếng mẹ đẻ của hơn ba trăm triệu người, chỉ xếp sau tiếng Trung Quốc về số lượng, nhưng điều đặc biệt hơn chính là sự phân bố địa lí về mặt sử dụng. Xét về mặt này, tiếng Anh không có đối thủ, không có một ngôn ngữ nào trên thế giới có thể cạnh tranh được. Những người nói tiếng Anh trải dài từ Point Barrow, Alaska tới Falkland Islands, từ the Shetland Islands tới Captown ở mũi cực nam châu Phi, từ Hồng Kong tới Tasmania... cho đến giờ tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ thứ 2 quan trọng nhất trên thế giới được hàng chục triệu các nhà khoa học châu Âu, Nhật Bản và trên thế giới sử dụng và là ngoại ngữ thông dụng nhất ở cả Nga và Trung Quốc, là ngôn ngữ của các nhà khoa học, của phi công, của những người điều hành vận tải trên thế giới, là ngôn ngữ của sinh viên y học ở châu Âu, của những người ngỗ thiên ở Nepal, Ấn Độ.

Những sự kiện, những con số trên nhìn từ góc độ lịch sử, địa lí đã giúp chúng ta phần nào lí giải tại sao là tiếng Anh chứ không phải là một ngôn ngữ nào khác có được vị thế như vậy.

Trước khi chúng ta tiếp tục bàn về một số nhân tố mang tính chất xã hội văn hóa góp phần tạo nên vị thế của tiếng Anh, làm cho nhiều người phải phụ thuộc vào nó, chúng tôi muốn trích lại ý kiến của Robert Burchfield (1985) mà Alastair Penny Cook đã dẫn trong cuốn sách của mình (1998, tr.136), “*tiếng Anh đã trở lên một ngôn ngữ thông dụng và quan trọng đến mức mà bất kì một người nào có học, được giáo dục hoàn chỉnh ở trên thế giới này đều có cảm nhận là còn thiếu cái gì đó nếu không biết tiếng Anh*”.

3. Tiếng Anh - ngôn ngữ toàn cầu từ góc độ văn hóa - xã hội

Với việc thiết lập một nền cai trị trên khắp thế giới, tiếng Anh đương nhiên phải là một công cụ hữu hiệu để thực hiện các ý đồ chính trị của chủ nghĩa thực dân. David Crystal đã chỉ ra rằng ngoài yếu tố chính trị, rất nhiều các yếu tố khác nhìn từ góc độ văn hóa-xã hội có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành và duy trì vị thế của tiếng Anh ngày nay.

Trước hết có thể là nhu cầu được tiếp xúc với thành tựu, phát minh khoa học. Ngay từ đầu thế kỉ 19, nước Anh đã là một quốc gia đứng đầu thế giới về công nghiệp và thương mại. Hầu hết các phát minh trong cuộc cách mạng công nghiệp đều có nguồn gốc từ Anh. Các tên tuổi như Thomas Newcomen, Jame Walt, George Stephenson, Michael Faraday... đã phản ánh những thành tựu của nước Anh thời đó. Những thành tựu này cũng tạo nên sự phát triển của ngôn ngữ, kéo theo sự ra đời của hàng ngàn các thuật ngữ khoa học mới. Việc nước Anh thời đó xuất khẩu hay chuyển giao các tiến bộ khoa học kĩ thuật ra nước ngoài đòi hỏi phải có sự hiểu biết về ngôn ngữ nếu muốn làm chủ khai thác được những phát minh đó. Sau đó tiếp đến nước Mỹ cũng có những thành tựu vượt bậc với nhiều các phát minh khoa học. Đến cuối thế kỉ 19, Mỹ đã vượt Anh trở thành nước có nền kinh tế phát triển nhất. Do vậy muốn tiếp cận được những thành tựu, những phát minh này, việc học và sử dụng tiếng Anh đã trở thành một nhu cầu đương nhiên.

Nhu cầu học và biết tiếng Anh để tiếp cận với các thành tựu khoa học kĩ thuật không chỉ diễn ra ở những thế kỉ trước, mà điều này còn cấp bách và thực tế hơn ở thời điểm hiện tại và tương lai. Như Sandra Lee McKay (Teaching English as an international language, 2002) dẫn lại những con số thống kê mà David Crystal và Graddol đưa ra, và điều này phần nào giúp chúng ta lí giải về vai trò của tiếng Anh hiện nay. Theo các tác giả này vào những năm 80 có tới 85% các bài báo khoa học về sinh học và vật lí, 73% các bài về y học và trên 65% các bài về toán và hóa học được viết bằng tiếng Anh. Không chỉ các tạp chí khoa học, mà các ấn phẩm khác bằng tiếng Anh cũng vượt trội so với các ngôn ngữ khác: tiếng Anh chiếm 28%, tiếng Trung Quốc 13,3%, tiếng Đức 11,8%... Đối với internet thì 84% bằng tiếng Anh, 4,5% bằng tiếng Đức và 3,1% bằng tiếng Nhật... (Sandra Lee McKay 2002, tr.18).

David Crystal còn đưa ra nhiều nhân tố, lí do khiến cho tiếng Anh có một vai trò không thể thiếu được, và càng ngày càng có nhiều người trở nên phụ thuộc vào nó xét trên phạm vi toàn cầu. Đó là vai trò của tiếng Anh trong giao lưu quốc tế trên mọi lĩnh vực. Nicolla Galloway và Heath Rose (2015, tr.12) cho biết, tiếng Anh là ngôn ngữ ngoại giao quốc tế, là ngôn ngữ chính thức của hầu hết các tổ chức chính trị thế giới như liên hợp quốc, cộng đồng châu Âu, cộng đồng Đông Nam Á... Khoảng 75% thư tín quốc tế, các thông tin lưu trữ điện tử đều bằng tiếng Anh. Cũng theo các tác giả này, tiếng Anh được dạy như một ngoại ngữ nhiều hơn bất cứ ngôn ngữ nào hiện nay.

Theo Sandra Lee McKay (2002, tr.16) dẫn lại thông tin của David Crystal với 12.800 các tổ chức quốc tế thời kì 1995-1996 thì có tới 85% các tổ chức này sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức. Vào giữa những năm 1990, nước Mỹ kiểm soát tới 85% thị trường phim ảnh thế giới, 99% các nhóm nhạc pop biểu diễn toàn phần hay cơ bản bằng tiếng Anh, khoảng 80% các thông tin được lưu trữ điện tử bằng tiếng Anh... Ngoài ra chúng ta phải nói đến vai trò của tiếng Anh trong du lịch, giáo dục, xuất bản, phát thanh, truyền hình, trong hàng không, hàng hải, cứu nạn, cứu hộ quốc tế. Đối với an toàn quốc tế, có 2 lĩnh vực mà các hoạt động đều phụ thuộc vào tiếng Anh, đó là an toàn hàng hải và hàng không. Tiếng Anh từ lâu đã được công nhận là ngôn ngữ quốc tế về hàng hải và vào những năm 1980 đã có những đề án xây dựng chương trình tiếng Anh cơ bản sử dụng trong hàng hải quốc tế gọi là "SeaSpeak". Đối với hàng không, việc sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế được thực hiện từ sau chiến tranh thế giới thứ 2. Đến nay đã có trên 180 quốc gia chấp nhận đề xuất của tổ chức hàng không quốc tế (ICAO) về các thuật ngữ tiếng Anh, và cũng có những chương trình "AirSpeak" giúp các nhân viên hàng không sử dụng tiếng Anh chính xác và hiệu quả.

Trong một bài viết trên tờ US News and World report (18 tháng 2, 1985) có đoạn viết về tính phổ thông của tiếng Anh như sau: *Khi một phi công người Argentina hạ cánh ở Thổ Nhĩ Kỳ, anh ta và những người điều hành mặt đất nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh. Khi các nhà khoa học vật lí người Đức muốn thông báo với cộng đồng quốc tế về những phát minh của mình, họ công*

bổ trên các tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh. Khi các quan chức cao cấp của Nhật Bản muốn hủy hợp đồng với các doanh nghiệp Scandinavian ở Bangkok, họ liên lạc với nhau bằng tiếng Anh. Sự thông dụng của tiếng Anh còn được thể hiện trên rất nhiều các phương diện khác, ví dụ như khi hiệp ước Vasava kết thúc, nó được kết thúc bằng tiếng Anh. Khi cộng đồng ASEAN mới thành lập năm 1967, lúc đó chưa có quy định nào về ngôn ngữ, nhưng tiếng Anh lại được sử dụng ngay từ đầu một cách tự nhiên. Mãi đến năm 2007, tiếng Anh mới được quy định là ngôn ngữ chính thức theo điều khoản 34 của Hiến chương ASEAN...

Kachru, theo Sandra Lee McKay (2002, tr.21) cho rằng “*biết tiếng Anh cũng giống như có được cây đèn thần của Aladin trong truyện ngụ ngôn*”, tức là nó có thể làm cho người ta mở được cánh cửa ngôn ngữ để hòa nhập vào giao dịch, công nghệ, khoa học và du lịch quốc tế. Tóm lại, tiếng Anh trang bị cho chúng ta sức mạnh về ngôn ngữ và cũng góp phần lí giải tại sao thế giới lại cần và phụ thuộc vào tiếng Anh đến như vậy.

4. Kết luận

Như đã nói ở phần đầu, để lí giải tại sao và như thế nào tiếng Anh đã trở thành một ngôn ngữ được thừa nhận có vai trò toàn cầu như hiện nay, các nhà nghiên cứu tiếp cận vấn đề này từ các góc độ khác nhau. Trong bài viết này chúng tôi giải thích theo hướng mà nhà ngôn ngữ học cũng là nhà Anh ngữ học nổi tiếng thế giới David Crystal đề xuất-tiếp cận từ 2 góc độ, thứ nhất là địa lí-lịch sử, và thứ 2 là văn hóa-xã hội. Các sự kiện, các yếu tố liên quan đến hai lĩnh vực này phần nào giúp chúng ta trả lời được câu hỏi đã nêu. Với vai trò và vị thế hiện tại của tiếng Anh, hầu hết mọi người có cảm nhận rằng tiếng Anh đang là và tiếp tục sẽ là một ngôn ngữ toàn cầu trong nhiều năm nữa. Tuy nhiên cũng có nhiều nghiên cứu đề cập đến mặt trái của vấn đề, đó là những hiệu ứng tiêu cực của một ngôn ngữ toàn cầu, là những mặt trái của tiếng Anh trong vai trò là ngôn ngữ toàn cầu, là những hệ lụy của mối quan hệ giữa tiếng Anh với chủ nghĩa thực dân và vị thế toàn cầu của nó. Vậy liệu tiếng Anh có duy trì được vai trò như hiện nay không? Và những yếu tố nào cản trở điều đó. Chúng tôi sẽ xin trao đổi những vấn đề trên vào một dịp khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alastair Penny Cook (1998), *English and the discourses of colonialism*, London UK.
2. Andy Kirkpatrick (2007), *World Englishes*, Cambridge University Press.
3. David Crystal (1997-2003), *English as a global language*, Cambridge University Press.
4. Jennifer Jenkins (2003), *World Englishes*, Routledge, New York.
5. Jennifer Jenkins (2015), *Global Englishes*, Routledge, New York.
6. Nicola Galloway and Heath Rose (2015), *Global Englishes*, Routledge, London and New York.
7. Robert Phillipson (1992), *Linguistic imperialism*, Oxford University Press.
8. Phan Le Ha (2008), *Teaching English as an international language*, Multilingual Matters Ltd, UK.
9. Sandra Lee McKay (2002), *Teaching English as an international language*, Oxford University Press.

How English has become a global language?

Abstract: The paper tried to seek the answer for the question how and why English has become a global language? Based on the results of the previous researches, especially the view by David Crystal, the paper examined the historical events, the geographical distribution, the social-cultural factors related to the spread of English into all domains of the world mainly from 17 up to 20 century. Additionally, it suggested further studies on the negative effects of a world language and the dark side of English as a global language.

Key words: global; international; world language; dispersal; native language; second language; foreign language; inner circle; outer circle; expanding circle.